

Bản án số: **163/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 22/4/2021.

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Y – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Thanh Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly

2. Bà Vũ Thị Hiệp.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân Quận Y, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 632/2020/TLST-HNGĐ ngày 03/12/2020 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/4/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông T.H.H, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Đường S, Phường P, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: P.L, Phường D, Quận Y, TP HCM (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư H.N.H thuộc Công ty Luật TNHH MTV Đức Danh (có mặt).

- Bị đơn: Bà L.V.B.M, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Đường S, Phường P, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư C.T.H thuộc Văn phòng Luật sư Cao Thái Hòa và Cộng sự (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ông T.H.H trình bày:

Ông T.H.H và Bà L.V.B.M chung sống với nhau từ 1999 và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 119/KH, quyền 1/99, ngày 09/08/1999 do Ủy ban nhân dân Phường D, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2015 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do mỗi người có quan điểm sống khác nhau không H hợp. Vợ chồng đã

nhiều lần dàn xếp, hòa giải với nhau nhưng không có kết quả. Nên từ năm 2016, vợ chồng đã ly thân, hiện nay cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Nay Ông T.H.H xác định không còn tình cảm với Bà L.V.B.M, nên Ông T.H.H yêu cầu được ly hôn với Bà L.V.B.M.

- Về con chung: Có 02 con chung, tên: T.L.T.Q (nữ), sinh ngày: 07/01/2006; T.H.T (nam), sinh ngày: 25/04/2014.

* Ông T.H.H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là T.H.T.

* Ông T.H.H đồng ý giao con tên T.L.T.Q cho Bà L.V.B.M chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, Ông T.H.H không còn ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Bị đơn Bà L.V.B.M trình bày: Năm 1999, vợ chồng chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 119/KH, quyển 1/99, ngày 09/08/1999 do Ủy ban nhân dân Phường D, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh cấp và nguyên nhân dẫn đến ly hôn như nguyên đơn trình bày. Hiện nay vợ chồng đã ly thân từ năm 2016. Nay bà L.V.B.M xác định không còn tình cảm với ông T.H.H, nên:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà L.V.B.M đồng ý ly hôn với ông T.H.H.

- Về con chung: Có 02 con chung, tên: T.L.T.Q (nữ), sinh ngày: 07/01/2006; T.H.T (nam), sinh ngày: 25/04/2014.

* Bà L.V.B.M đồng ý nuôi dưỡng con chung T.L.T.Q.

* Bà L.V.B.M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung T.H.T.

Vấn đề cấp dưỡng các bên tự thỏa thuận.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, Bà L.V.B.M không còn ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn cung cấp cho Hội đồng xét xử Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số CH 20146 ngày 28/11/2013 của UBND Quận Y được cập nhật ra tên do ông T.H.H đứng tên chủ sở hữu ngày 20/4/2021, và một số hình ảnh liên quan đến căn nhà nói trên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn – Luật sư H.N.H trình bày: Giữ nguyên yêu cầu của nguyên đơn, cụ thể là:

- Về quan hệ hôn nhân: Các bên đã thỏa thuận tự nguyện ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung; Tên: T.L.T.Q (nữ), sinh ngày: 07/01/2006; T.H.T (nam), sinh ngày: 25/04/2014

Các bên thống nhất giao con chung T.L.T.Q cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận.

Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu T.H.T cho cha trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu có tranh chấp sẽ khởi kiện ở một vụ án khác.

Nguyên đơn trình bày: Thống nhất với lời trình bày của Luật sư H.N.H.

Bị đơn cung cấp 01 (một) bản photo Hợp đồng đặt cọc, 02 (hai) tờ photo tin nhắn được in ra từ điện thoại.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn - Luật sư C.T.H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Các bên đã thỏa thuận tự nguyện ly hôn.
- Về con chung: Có 02 con chung; Tên: T.L.T.Q (nữ), sinh ngày: 07/01/2006; T.H.T (nam), sinh ngày: 25/04/2014.

Đồng ý nuôi dưỡng con chung T.L.T.Q. Vấn đề cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận.

Đề nghị Tòa án giao cháu T.H.T cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng các bên tự thỏa thuận.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn trình bày: Thống nhất với lời trình bày của Luật sư C.T.H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã chấp hành đúng qui định tại Điều 48 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền thụ lý, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý, mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, vấn đề thu thập chứng cứ đúng quy định pháp luật theo điểm h khoản 2 Điều 97 BLTTDS

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nguyên tắc xét xử, đúng thành phần Hội đồng xét xử, đúng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử và không thuộc trường hợp phải từ chối hoặc thay đổi người tiến hành tố tụng theo quy định tại Điều 52, 53, 54 BLTTDS.

Thủ tục khai mạc phiên tòa đúng quy định tại Điều 239 BLTTDS. Về phần thủ tục, phản hồi và phản tranh luận Hội đồng xét xử cũng thực hiện đúng quy định.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông T.H.H và bà L.V.B.M tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND Phường D, Quận Y, TP.HCM theo Giấy chứng nhận kết hôn số 119/KH, ngày 09/8/1999. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp.

Từ năm 2016 đến nay, vợ chồng ông H sống ly thân, hiện nay tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại các Biên bản hòa giải, ông T.H.H và bà L.V.B.M đồng ý ly hôn cho thấy sự thỏa thuận thống nhất của ông bà là phù hợp, không trái với quy định pháp luật. Do đó, thỏa thuận đồng ly hôn giữa nguyên đơn và bị đơn là có cơ sở chấp nhận theo Điều 19, 51, 54, 55, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng ông bà có 02 con chung là T.L.T.Q (nữ, sinh ngày: 07/01/2006); T.H.T (nam, sinh ngày: 25/04/2014).

Đối với trẻ T.L.T.Q, xem xét đơn trình bày nguyện vọng được ở với mẹ ngày 22/01/2021 của trẻ Q và sự thống nhất trong biên bản hòa giải ngày 30/3/2021 giữa nguyên đơn và bị đơn. Bà M trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Q là có cơ sở theo quy định tại Điều 58, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Đối với trẻ T.H.T: Bà L.V.B.M cung cấp chứng cứ đơn xác nhận thu nhập tại văn phòng luật sư Cao Thái Hòa & Cộng sự với mức lương 15.000.000 đồng/ tháng, tuy nhiên bà không cung cấp được các chứng cứ chứng minh rằng bà có công việc và thu nhập ổn

định tại đây như: Hợp đồng lao động, sổ Bảo hiểm xã hội, sao kê tiền lương các tháng trước cho đến thời điểm hiện nay (Chỉ có chứng từ thanh toán tiền lương tháng 12/2020 và tháng 01/2021) ... Căn cứ vào lời khai của ông H và bà M cho thấy hiện nay bà M không có công việc ổn định, bà chỉ ở nhà chăm con (BL 87, 96). Hơn nữa ngoài đứng tên chung với ông H căn nhà đường S, Phường P, Quận Y thì bà không còn căn nhà khác (giấy đặt cọc tiền chuyển nhượng QSDĐ tại BL 40 về việc bà M mua khu Motel Ngọc Duyên Phú Quốc là không có giá trị pháp lý vì ngày kí hợp đồng là ngày 16/6/2021). Do đó, xét việc bà M nuôi theo trẻ Thắng là vượt quá khả năng kinh tế hiện nay của bà.

Mặt khác, căn cứ các tài liệu chứng cứ do ông T.H.H cung cấp cho thấy, hiện tại ông có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn: Ông H hiện đang làm việc cho Tập đoàn VNPT có thu nhập ổn định với HĐLĐ không xác định thời hạn, có đóng bảo hiểm xã hội đầy đủ. Ngoài căn nhà đứng tên hai vợ chồng, ông H hiện nay đang sở hữu căn nhà tại P.L, Phường D, Quận Y (do em trai tặng cho).

Căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của trẻ trên cơ sở điều kiện, hoàn cảnh hiện tại của ông H, bà M, xét thấy giao trẻ T cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với lợi ích của trẻ.

Về cấp dưỡng: Cấp dưỡng cho con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con. Ghi nhận việc cấp dưỡng do 02 bên tự thỏa thuận.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà khai không có nên không xem xét.

Bởi lẽ trên,

Căn cứ Điều 19, 51, 54, 55, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ các Điều 28, 35, 203 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Bà L.V.B.M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là T.L.T.Q, ông T.H.H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là T.H.T. Về cấp dưỡng, ghi nhận việc 02 bên tự thỏa thuận.

Về án phí, nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Vụ án thuộc trường hợp ly hôn theo yêu cầu của một bên theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Bị đơn có nơi cư trú tại Quận Y nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận Y theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm hôm nay, cháu T.H.T (sinh ngày: 25/04/2014) chưa đủ 07 tuổi theo quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 nên Tòa án không tiến hành ghi nhận nguyện vọng của cháu.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông T.H.H và Bà L.V.B.M tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số: 119/KH, quyển 1/99, ngày 09/08/1999 do Ủy ban nhân dân Phường D, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh cấp nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân dẫn đến việc ly hôn: Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2015 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do mỗi người có quan điểm sống khác

nhau không H hợp. Hai vợ chồng đã nhiều lần dàn xếp, hòa giải với nhau nhưng không có kết quả. Nên từ năm 2016, vợ chồng đã ly thân, hiện nay cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Ông T.H.H xác định hiện nay không còn tình cảm với Bà L.V.B.M, nên Ông T.H.H yêu cầu được ly hôn với Bà L.V.B.M.

Theo công văn phúc đáp số 293/UBND ngày 15/4/2021 của UBND Phường P, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác minh quan hệ hôn nhân của Ông T.H.H và Bà L.V.B.M có nội dung như sau: “*Các vấn đề TAND Quận Y đề nghị xác minh, UBND Phường P không biết*”

Tại các buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay thì Bà L.V.B.M vẫn đồng ý ly hôn với Ông T.H.H.

Hội đồng xét xử xét thấy về quan hệ hôn nhân, Ông T.H.H và Bà L.V.B.M đã thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung; Tên: T.L.T.Q (nữ), sinh ngày: 07/01/2006; T.H.T (nam), sinh ngày: 25/04/2014.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Ông T.H.H và Bà L.V.B.M đã có sự thỏa thuận về việc giao con chung T.L.T.Q cho Bà L.V.B.M trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này của các đương sự.

Về yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là T.H.T của nguyên đơn thì nguyên đơn trình bày rằng trong thời gian bị đơn đi công tác ở Phú Quốc đã để cháu T.L.T.Q ở nhà một mình không ai chăm sóc, nuôi dưỡng, đưa đón. Từ sự việc nói trên, nguyên đơn không yên tâm nếu tiếp tục giao cháu T cho bị đơn nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày về quyền lợi của con sẽ được đảm bảo tốt như điều kiện đưa đón con đi học, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, điều kiện phát triển tinh thần, tâm sinh lý và giới tính sẽ được thuận lợi khi sống cùng cha.

Xét về điều kiện kinh tế, hiện nay nguyên đơn là nhân viên của Tập đoàn Bru chính Viễn thông Việt Nam – Viễn thông Thành phố Hồ Chí Minh, đã làm việc từ tháng 03/1995 đến nay, có ký hợp đồng lao động, được đóng bảo hiểm xã hội đầy đủ, nên Hội đồng xét xử nhận thấy nguyên đơn có việc làm và thu nhập ổn định.

Xét nơi cư trú của nguyên đơn, theo Hợp đồng tặng cho nhà ở và quyền sử dụng đất (toàn bộ ngôi nhà, đất tại địa chỉ số: P.L, Phường D, Quận Y, TP HCM) số công chứng 00004953, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/3/2021 tại Văn phòng Công chứng Tân Thuận.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã cung cấp được cho Hội đồng xét xử bản sao có công chứng và đã cập nhập ra tên cho nguyên đơn đứng tên chủ sở hữu Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở vào ngày 20/4/2021, nên Hội đồng xét xử có cơ sở xác định nguyên đơn đã có nơi cư trú ổn định

Ngoài ra, theo đơn khởi kiện nguyên đơn đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, nhưng trong quá trình hòa giải tại Tòa án, dưới sự động viên, phân tích và giải

thích của Tòa án, nguyên đơn đã đồng ý giao con gái cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng để thuận tiện cho việc chăm sóc, phát triển tâm lý và giới tính của con gái về sau.

Qua các tài liệu, chứng cứ có trong vụ án thì chưa có quyết định nào có hiệu lực pháp luật thể hiện nguyên đơn bị hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa trưởng thành theo các quy định tại Điều 85 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo kết quả trả lời Công văn số 632/TAQ6-3 ngày 30/3/2021 của Công an Phường D, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung như sau: *“Trong thời gian này, đương sự H chấp hành pháp luật, quy định địa phương, chưa ghi nhận vi phạm gì./.”*

Về ý kiến của bị đơn yêu cầu giao con chung T.H.T cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận.

Xét về điều kiện cư trú, theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 3377/2009/GCN ngày 11/11/2009 của UBND Quận Y cấp cho ông T.H.H và bà L.V.B.M đứng tên sở hữu, trong quá trình giải quyết vụ án, ông T.H.H không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, vẫn đồng ý cho bà L.V.B.M và con gái ở trong căn nhà nói trên nên Hội đồng xét xử nhận thấy bà L.V.B.M có nơi cư trú ổn định.

Xét về điều kiện kinh tế, theo đơn đề nghị xác nhận thu nhập (BL 38) thì bà L.V.B.M đang làm việc tại Văn phòng Luật sư Cao Thái Hòa và Cộng sự với công việc là *“thư ký thường trực tại văn phòng và quản lý hồ sơ VP”*

Nhưng tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, Luật sư Cao Thái Hòa – với tư cách là người sử dụng lao động cùng bị đơn xác nhận chưa ký hợp đồng lao động nên việc kê khai thuế Thu nhập cá nhân cũng như đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp là chưa hoàn chỉnh.

Bà M cung cấp cho Tòa án di chúc đề ngày 23/02/2009 của bà N.T.Q để lại di sản là nhà và đất tại B.H, Phường D, Quận Y, TP. HCM (BL 29) cho bà M được hưởng một phần trong di sản nói trên. Nhưng tại thời điểm xét xử, bà M vẫn chưa cung cấp được các tài liệu chứng cứ chứng minh về phần di sản mà mình được hưởng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà M có trình bày, ngoài việc đi làm tại văn phòng luật sư thì bà M còn làm thêm công việc khác là kinh doanh bất động sản. Ngày 30/3/2021, bà M có nộp cho Tòa án Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (BL 40) để chứng minh cho việc kinh doanh bất động sản của mình là có thật. Nhưng trên hợp đồng ngày ký kết là đề ngày 16/6/2021, tại phần phương thức và điều kiện thanh toán lần 1 cũng đề ngày 16/6/2021 bà M đã thanh toán số tiền 200.000.000đồng cho bên bán và thống nhất là ngày 6/4/2021 hai bên sẽ ra phòng công chứng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Nhưng đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, bị đơn đã nộp cho Hội đồng xét xử 01 (một) bản photo Hợp đồng đặt cọc đã chỉnh sửa lại ngày tháng năm ký cũng như ngày các bên giao tiền và ra phòng công chứng, nhưng đó là bản photo không được photo từ bản gốc, không được sao y chứng thực và chưa được thu thập đúng theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét đến Hợp đồng đặt cọc nói trên.

Ngoài ra, bị đơn cung cấp 02 (hai) bản in từ điện thoại nội dung tin nhắn là mâu thuẫn vợ chồng dẫn đến ly hôn, nhưng do các bên đã thỏa thuận tự nguyện ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét đến 02 (hai) bản in này.

Từ các căn cứ nói trên, Hội đồng xét xử xét thấy bà M chưa có hợp đồng lao động, việc kinh doanh bất động sản mang nhiều rủi ro, thu nhập chưa ổn định, vì vậy Hội đồng xét xử nhận thấy bà M chưa đảm bảo về điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng cháu T.H.T.

Xét về điều kiện đưa đón con đi học, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, điều kiện phát triển tinh thần, tâm sinh lý và giới tính, bị đơn trình bày nếu được Hội đồng xét xử giao con thì bị đơn vẫn sẽ tiếp tục chở 02 con đi học bằng xe mô tô hai bánh. Hội đồng xét xử nhận thấy hành vi chở 03 của bị đơn có sự rủi ro cao, chưa có phương án bảo đảm an toàn tuyệt đối cho con trẻ trong khi tham gia giao thông.

Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ là vé máy bay (BL 48 – 48a) cho Tòa án vào ngày 30/3/2021 để chứng minh cho thu nhập, điều kiện sinh hoạt của bị đơn, tại Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 30/3/2021 (BL 108), bị đơn trình bày rằng cùng con trai đi công việc ở Phú Quốc.

Theo Thư mời của Hiệu trưởng ngày 12/3/2021 và giấy thông báo của Giáo viên chủ nhiệm (BL 55-56) để làm việc về nội dung nghỉ học của T.H.T, thì cháu T.H.T đã nghỉ học hết 09 ngày trong tháng 3/2021, Hội đồng xét xử nhận thấy rằng bị đơn chưa thật sự chú trọng vào việc học của con, chưa đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của con, nên yêu cầu của bà M về việc nuôi dưỡng cháu T.H.T là không có cơ sở chấp nhận.

Từ các căn cứ, nhận định nói trên, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn về việc giao cháu T.H.T cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: nguyên đơn và bị đơn trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Ông T.H.H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông T.H.H.

Về quan hệ hôn nhân: Ông T.H.H và bà L.V.B.M cùng đồng ý thuận tình ly hôn.

2. Về con chung:

2.1 Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của Ông T.H.H và bà L.V.B.M về việc giao con chung T.L.T.Q cho Bà L.V.B.M trực tiếp nuôi dưỡng, vấn đề cấp dưỡng các bên tự thỏa thuận.

2.2 Giao con chung T.H.T (nam), sinh ngày: 25/04/2014 cho ông T.H.H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, vấn đề cấp dưỡng các bên tự thỏa thuận.

Bà L.V.B.M và Ông T.H.H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở ông bà thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc hạn chế quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông T.H.H và bà L.V.B.M không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 119/KH, quyền 1/99, ngày 09/08/1999 do Ủy ban nhân dân Phường D, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T.H.H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2019/0010841 ngày 03/12/2020 của Chi Cục Thi hành án Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T.H.H đã đóng đủ tiền án phí.

6. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận Y;
- Chi cục Thi hành án Quận Y;
- UBND P.D,Q.Y;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Thanh Sang